

trọng lẫn nhau, không có tiếng nói chung. Mặc dù đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Cuộc sống vợ chồng căng thẳng, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Ông và bà T đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay, hai bên không còn tình cảm và quan tâm đến nhau nữa.

Ngày 16/01/2018, ông K có nộp đơn xin ly hôn với bà T. Sau đó, vì muốn cho nhau thêm cơ hội để hàn gắn, đoàn tụ nuôi con nên ông đã rút đơn yêu cầu ly hôn. Tuy nhiên, từ đó đến nay mâu thuẫn giữa vợ chồng càng trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, ông K yêu cầu được ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông K và bà T có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 05/7/2012 và Nguyễn Hoàng Y, sinh ngày 30/5/2016. Hiện nay, cả 02 con chung đang sống chung với bà T. Do đó, ông K đồng ý giao 02 con chung cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông K thực hiện cấp dưỡng nuôi con số tiền 7.000.000 đồng/01 con/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Phạm Thị Ngọc T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ và hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt trong quá trình tiến hành tố tụng nên Tòa án không thu thập được ý kiến trình bày của bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Ông Nguyễn Hoàng K yêu cầu ly hôn với bà Phạm Thị Ngọc T, căn cứ quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là “Tranh chấp ly hôn”.

Bị đơn là bà Phạm Thị Ngọc T có nơi cư trú tại địa chỉ: Đường X, phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập bị đơn là bà Phạm Thị Ngọc T đến Tòa án tham gia phiên tòa vào ngày 12/9/2018 và ngày 19/9/2018, nhưng bà T vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T.

Xét đơn xin vắng mặt tại phiên tòa của ông K là đúng theo quy định của pháp luật và việc ông K vắng mặt tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông K.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của ông Nguyễn Hoàng K, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định ông Nguyễn Hoàng K và bà Phạm Thị Ngọc T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 72, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã Tân Bình, thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 13/12/2010. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông K và bà T là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Căn cứ lời khai, lời trình bày của ông K trong quá trình giải quyết vụ án thì trong quá trình chung sống giữa ông K và bà T phát sinh nhiều mâu thuẫn về cách sống, có nhiều xung đột, không tôn trọng lẫn nhau, không có tiếng nói chung. Cuộc sống vợ chồng căng thẳng, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Ông và bà T đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay, hai bên không còn tình cảm và quan tâm đến nhau nữa. Ông K xác định tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không thể kéo dài. Do đó, ông yêu cầu được ly hôn với bà T.

Theo kết quả trả lời xác minh của Ủy ban nhân dân phường Thảo Điền, Quận 2 về tình trạng hôn nhân của ông Nguyễn Hoàng K và bà Phạm Thị Ngọc T tại Phiếu yêu cầu xác minh số 298/PYCXM ngày 19/7/2018 như sau: *“Ủy ban nhân dân phường Thảo Điền đã xác minh tình trạng mâu thuẫn trong quá trình chung sống của ông K và bà T nhưng không rõ. Hiện tại bà T đang sống tại: T4-B16.10, khu dân cư cao cấp Masteri, số 159 xa lộ Hà Nội, phường Thảo Điền, Quận 2, ông K không sống chung tại đây”*.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này cho thấy bà T đã không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa bà và ông K.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Nguyễn Hoàng K và bà Phạm Thị Ngọc T là trầm trọng, tình cảm yêu thương vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, yêu cầu của ông K xin ly hôn với bà T là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Căn cứ vào các Giấy khai sinh và lời trình bày của ông K, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định ông K và bà T có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 05/7/2012 và Nguyễn Hoàng Y, sinh ngày 30/5/2016. Do 02 con đang còn nhỏ và hiện đang sống chung với bà T nên ông K không tranh chấp về con chung, đề nghị giao 02 con chung cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp nên được chấp nhận.

Về cấp dưỡng: Ông K tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 7.000.000 đồng/01 con/tháng, việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 15 dương lịch hàng tháng, ngay sau khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Căn cứ vào mức thu nhập hàng tháng của ông K thì mức cấp dưỡng nêu trên là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí sơ thẩm*: Do ông Nguyễn Hoàng K là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Ông K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 6 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Phạm Thị Ngọc T không phải chịu án phí.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Luật Thi hành án dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng K:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hoàng K được ly hôn với bà Phạm Thị Ngọc T.

Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 05/7/2012 và Nguyễn Hoàng Y, sinh ngày 30/5/2016 cho bà Phạm Thị Ngọc T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ông Nguyễn Hoàng K thực hiện cấp dưỡng nuôi con số tiền 7.000.000 (bảy triệu) đồng/01 con/01 tháng, việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 15 dương lịch hàng tháng, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Các bên thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bà Phạm Thị Ngọc T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Hoàng K không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định trên thì hàng tháng ông K còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Mức lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ông Nguyễn Hoàng K được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì quyền lợi của con chung khi cần thiết hai bên đều có thể xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí:

Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông Nguyễn Hoàng K phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông K đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2017/0015298 ngày 22/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2. Ông K còn phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Bà T không phải chịu án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Ông Nguyễn Hoàng K và bà Phạm Thị Ngọc T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 2;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2;
- Ủy ban nhân dân xã Tân Bình, thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Anh Ngọc

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Anh Ngọc